

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~5347~~ UBND-KT

Quảng Ngãi, ngày ~~30~~ tháng 8 năm 2017

V/v quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học

TRUNG TÂM CÔNG ĐÀO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....1906.....
	Ngày: 31.8.17.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học, UBND tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học như sau:

**I. Số liệu đề nghị quyết toán:**

1. Kinh phí Bộ Tài chính cấp năm 2016: 720 triệu đồng
2. Kinh phí thực hiện năm 2014, năm 2015 và năm 2016 và nhu cầu năm 2017: 3.128 triệu đồng, gồm:
  - Năm 2014: Học kỳ II năm học 2013-2014 (từ tháng 01/2014 đến tháng 5/2014) chi cho 77 em với số tiền 266 triệu đồng. Học kỳ I năm học 2014-2015 (từ tháng 9 đến tháng 12/2014) chi cho 99 em với số tiền 342 triệu đồng.
  - Năm 2015: Học kỳ II năm học 2014-2015 (từ tháng 01/2015 đến tháng 5/2015) chi cho 44 em với số tiền 152 triệu đồng. Học kỳ I năm học 2015-2016 (từ tháng 9/2015 đến tháng 12/2015) chi cho 113 em với số tiền 389 triệu đồng.
  - Năm 2016: Học kỳ II năm học 2015-2016 (từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2016) chi cho 82 em với số tiền 283 triệu đồng. Học kỳ I năm học 2016-2017 (từ tháng 9/2016 đến tháng 12/2016) chi cho 101 em với số tiền 348 triệu đồng.
  - Nhu cầu năm 2017: Học kỳ II năm học 2016-2017 (từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017) chi cho 179 em với số tiền 650 triệu đồng. Học kỳ I năm học 2017-2018 (từ tháng 9/2017 đến tháng 12/2017) chi cho 179 em với số tiền 698 triệu đồng.

3. Nhu cầu kinh phí còn thiếu so với số cấp: 2.408 triệu đồng;

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

## II. Kiến nghị:

Thời gian qua, UBND tỉnh đã báo cáo quyết toán kinh phí thực hiện Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC năm 2014-2015 và nhu cầu năm 2016 tại các Công văn số 6290/UBND-TH ngày 03/11/2016 và số 7120/UBND-KT ngày 08/12/2016, nhưng đến nay Bộ Tài chính chưa xem xét, quyết toán kinh phí và cấp bổ sung kinh phí để tỉnh chi trả cho các đối tượng được hưởng chính sách các năm 2016, 2017.

Để tạo điều kiện cho học sinh tỉnh Quảng Ngãi được hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính quyết toán kinh phí năm 2016 và xem xét, giải quyết bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- VPUB: CVP, PCVP(KT, VX),  
KGVX, CBTH;
- Lưu: VT, KTbngoc504.



**Phạm Trường Thọ**



Phụ lục

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

LIÊN TỊCH SỐ 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC NĂM 2015-2017

(được UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 5347/UBND-KT ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

T	T	Chi tiêu	Ngân sách cấp năm 2015 để chi cho năm 2014	Thực hiện kinh phí năm 2014	Thực hiện năm 2015										Kinh phí để nghị ngân sách cấp bổ sung cho năm 2015	Kinh phí thực hiện năm 2016	Nhu cầu năm 2016						Kinh phí thực hiện năm 2017	Nhu cầu năm 2017			Tổng KP để nghị bổ sung năm 2016-2017					
					Kỳ II Năm học 2013-2014					Kỳ I Năm học 2014-2015							Kỳ II Năm học 2015-2016			Học kỳ I năm học 2016-2017				Kỳ II Năm học 2016-2017				Học kỳ I năm học 2017-2018				
					Đôi tượng	số tháng	Kinh phí	Đôi tượng	số tháng	Kinh phí	Đôi tượng	số tháng	Kinh phí	Đôi tượng			số tháng	Kinh phí	Đôi tượng	số tháng	Kinh phí	Đôi tượng		số tháng	Kinh phí	Đôi tượng		số tháng	Kinh phí	Đôi tượng	số tháng	Kinh phí
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)
	Học sinh, sinh viên hệ đào tạo	720,00	607,20	77	15	265,65	99	20	341,55	541,65	44	14	151,80	113	20	389,85	-428,85	631,35	82	5	282,90	101	25	348,45	1.347,87	179	0	649,77	179	5	698,10	-2.408,07
	Tổng số đối tượng sinh viên là thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo TTLT số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC	720,00	607,20	0,08	0,02	265,65	0,10	0,02	341,55	541,65	0,04	0,01	151,80	0,11	0,02	389,85	-428,85	631,35	0,08	0,02	282,90	0,10	0,03	348,45	1.347,87	0,18	0	649,77	0,18	0,03	698,10	-2.408,07
1	Trường ĐH Phạm Văn Đồng	678,60	603,75	77	5	265,65	98	10	338,10	527,85	43	5	148,35	110	5	379,50	-453,00	603,75	77	5	265,65	98	5	338,10	1.310,22	174	5	631,62	174	5	678,60	-2.366,97
		531,30	531,30	77	5	265,65	77	5	265,65	296,70	43	5	148,35	43	5	148,35	-296,70	458,85	77	5	265,65	56	5	193,20	1.310,22	174	5	631,62	174	5	678,60	-2.065,77
		147,30	72,45	5	0,00	0,00	21	5	72,45	231,15	5	0,00	67	5	231,15	-156,30	144,90	5	0,00	0,00	42	5	144,90	0,00	5	0,00	5	0,00	5	0,00	-301,20	
2	Trường CĐ nghề VN-HQ		0,00			0,00			0,00	0,00			0,00		0,00		0,00					5	0,00	0,00		5	0,00		5	0,00	0,00	
3	Huyện Ba Tư	20,70	0,00	5	0,00		5	0,00	0,00		4	0,00	5	0,00	20,70	0,00			5	0,00		5	0,00	0,00		5	0,00		5	0,00	20,70	
4	Huyện Trà Bồng	20,70	3,45	5	0,00		1	5	3,45	6,90	1	5	3,45	1	5	3,45	10,35	6,90	1	5	3,45	1	5	3,45	22,59	3	5	10,89	3	5	11,70	-19,14
5	Huyện Sơn Hà		0,00						6,90				2	5	6,90	-6,90	20,70		4	5	13,80	2	5	6,90	15,06	2	5	7,26	2	5	7,80	-42,66